

Bản án số: 191/2024/DS-ST
Ngày 31 - 7 - 2024
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huy Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Ngọc Đông
2. Ông Nguyễn Văn Sỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Trần Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn.

- Đại diện VKSND Tp. Quy Nhơn tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thành T - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn - tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 100/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2024/QĐXXST-DS ngày 19/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Thái Văn Q, sinh năm: 1994

Nơi cư trú: Tổ 1, KP8, P. N, TP., tỉnh Bình Định.

2. Bị đơn: Anh Hồ Trần Phú H, sinh năm: 1981

Nơi cư trú: Tổ 18, KP4, P. Đ, TP., tỉnh Bình Định.

3. Người làm chứng:

Anh Trần Vũ Q1, sinh năm: 1984

Nơi cư trú: 2 P, TP., tỉnh Bình Định.

(Anh Q có mặt, anh H vắng mặt, anh Q1 có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/3/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn anh Thái Văn Q trình bày:

Giữa anh và anh Hồ Trần Phú H có mối quan hệ quen biết nhau, anh có cho anh H mượn tiền nhiều lần để kinh doanh làm ăn và anh H đã hoàn trả đầy đủ cho anh. Do đó, anh đã tin tưởng và tiếp tục cho anh H mượn tiền, cụ thể: Ngày 17/12/2023 anh đã chuyển khoản từ tài khoản T1 với số tiền 230.500.000 đồng và tài khoản M với số

tiền 250.000.000 đồng đến tài khoản **V** của anh **Hồ Trần Phú H**. Anh **H** có viết giấy nhận tiền 470.000.000 đồng vào ngày 21/12/2023 cho anh đối với 02 khoản tiền cho mượn trên. Trong ngày 17/12/2023 anh có nhờ anh **Trần Vũ Q1** (Chủ cửa hàng nơi anh làm việc) chuyển khoản từ tài khoản **V** của anh **Q1** đến tài khoản **V** của anh **Hồ Trần Phú H** 02 lần với tổng số tiền 250.000.000 đồng. Từ ngày mượn tiền đến ngày 31/12/2023 anh **H** đã chuyển trả cho anh **Q** tổng số tiền 20.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 17/12/2023 anh **H** đã chuyển trả 10.000.000 đồng; Ngày 31/12/2023 anh **H** trả 10.000.000 đồng. Như vậy, hiện nay anh **H** còn nợ anh số tiền 710.500.000 đồng. Mặc dù anh đã nhiều lần liên hệ và yêu cầu anh **H** phải trả cho anh số tiền còn nợ nói trên nhưng anh **H** hứa hẹn và không thực hiện.

Vì vậy, anh **Q** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **Hồ Trần Phú H** phải trả cho anh một lần số tiền gốc là 710.500.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất kể từ ngày khởi kiện. Tuy nhiên, tại phiên tòa anh tự nguyện rút 1 phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 250.000.000 đồng anh **Trần Vũ Q1** chuyển khoản cho anh **Hồ Trần Phú H**. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **H** phải có nghĩa vụ trả cho anh 460.500.000 đồng tiền gốc và không yêu cầu trả lãi chậm trả.

** Bị đơn anh **Hồ Trần Phú H**:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh **H** đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa để khai báo, hòa giải. Tại phiên tòa hôm nay, anh cũng vắng mặt không lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của BLTTDS kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX áp dụng Điều 244 BLTTDS, các Điều 463, 466 và 470 BLDS 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của anh **Thái Văn Q** về việc buộc anh **Hồ Trần Phú H** trả số tiền 250.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ khi có đơn khởi kiện, lý do anh **Q** tự nguyện rút yêu cầu; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Thái Văn Q**; buộc anh **Hồ Trần Phú H** có nghĩa vụ trả cho anh **Thái Văn Q** số tiền gốc 460.500.000 đồng; Bị đơn phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **Hồ Trần Phú H** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án xác định tư cách tham gia tố tụng anh **Trần Vũ Q1** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, tại phiên toà nguyên đơn anh **Thái Văn Q** rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền anh **Q1** chuyển khoản cho anh **H** là 250.000.000 đồng. Vì vậy, HĐXX xác định anh **Q1** là người làm chứng trong vụ án. Tại phiên toà, anh **Q1** có đơn xin xét xử vắng mặt và có lời khai trực tiếp với Tòa án nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án (Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự).

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Ngày 17/12/2023, anh **Thái Văn Q** có cho **Hồ Trần Phú H** vay số tiền 480.500.000 đồng (chuyển khoản thành 02 đợt: từ tài khoản **T1** với số tiền 230.500.000 đồng và tài khoản **M** với số tiền 250.000.000 đồng đến tài khoản **V** của anh **Hồ Trần Phú H**), hai bên không thoả thuận lãi suất. Tại giấy nhận tiền vào ngày 21/12/2023, các bên thoả thuận ngày 21/12/2023 đến ngày 31/12/2023 trả 150.000.000 đồng nếu không thì tính lãi, số tiền còn lại sẽ thoả thuận thời hạn trả sau. Tuy nhiên, anh **H** đã không thực hiện đúng thoả thuận. Ngày 17/12/2023, anh **H** đã chuyển trả 10.000.000 đồng và ngày 31/12/2023 anh **H** trả 10.000.000 đồng, hiện nay còn nợ lại 460.500.000 đồng. Vì vậy, anh **Q** đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

HĐXX xét: Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi được quy định tại Điều 463 và khoản 1 Điều 470 BLDS 2015. Đến hạn trả nợ anh **Q** đã đòi nhiều lần nhưng anh **H** vẫn không trả là vi phạm hợp đồng. Nay anh **Q** khởi kiện yêu cầu anh **H** phải có nghĩa vụ trả toàn bộ tiền gốc là phù hợp quy định pháp luật nên Tòa chấp nhận.

[2.2] Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả theo quy định pháp luật, sự tự nguyện này phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[2.3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Tòa, anh **Thái Văn Q** tự nguyện rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền anh **Q** nhờ anh **Q1** chuyển khoản cho anh **H** 250.000.000 đồng. HĐXX xét thấy việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu này của nguyên đơn (theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS).

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Anh **Q** không phải chịu án phí nên được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 17.762.000 đồng; anh **H** phải chịu 22.420.000 đồng án phí DSST.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 91, khoản 2 Điều 244, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh **Thái Văn Q.**

Buộc anh **Hồ Trần Phú H** phải có nghĩa vụ trả cho **Thái Văn Q** số tiền gốc 460.500.000 đồng.

2. Đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu của anh **Thái Văn Q** yêu cầu anh **Hồ Trần Phú H** trả số tiền 250.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Hồ Trần Phú H** phải chịu 22.420.000 đồng án phí DSST án phí.

H2 lại cho anh **Thái Văn Q** 17.762.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000794 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quy Nhơn.

4. Về quyền và nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận: TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Bình Định; **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
- VKSND Tp. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS Tp. QN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Huy Huệ

